

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **01/2018/KDTM-ST**
Ngày 10-01-2018
V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản và thế chấp tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Từ Thanh Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Việt Thắng.

Bà Nguyễn Kim Lên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Tuyết Ngân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời tham gia phiên tòa:
Bà Vũ Ánh Tuyết – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 09, 10 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 02/2017/TLST - KDTM ngày 23/5/2017 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và thế chấp tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 474/2017/QĐXXST - KDTM ngày 28/11/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 351/2017/QĐST-KDTM ngày 12/12/2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: NGÂN HÀNG TMCP KT.

Địa chỉ trụ sở: Số 191, Bà Triệu, phường L, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Hùng A – chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Anh: Ông Trần Nhật Q – Chức vụ: Giám đốc xử lý nợ.

(Quyết định ủy quyền số 1493/QĐ-HĐQT ngày 19/10/2016 của Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP KT Việt Nam.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Quang: Ông Nguyễn Quốc K – Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ, thuộc Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản – Ngân hàng TMCP KT Việt Nam.

Địa chỉ: Lầu 2, số 45A-47 đường 30/4, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.
(Giấy ủy quyền số 0293/2017/UQ-TCB ngày 21/4/2017).

-Bị đơn: CÔNG TY TNHH KL.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty: Bà Nguyễn Thị Kiều L, sinh năm 1988 – Chức danh: Giám đốc.

Địa chỉ: Khóm 4, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau.

-Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Bà Trần Thị Mỹ D, sinh năm 1967

Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1966

Chị Nguyễn Thị Kiều L, sinh năm 1988

Anh Nguyễn Công L, sinh năm 1994

Cùng địa chỉ: Khóm 4, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Ông K có mặt tại phiên tòa. Bà L, ông K vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do.
Bà D, ông L có ủy quyền cho chị L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 21/4/2017 của nguyên đơn, lời trình bày của ông K là người đại diện theo ủy quyền có tại hồ sơ và tại phiên tòa, thể hiện:

Ngày 20/10/2015, Ngân hàng TMCP KT (Ngân hàng KT) cấp tín dụng cho Công ty TNHH KL (Công ty KL) theo hợp đồng tín dụng số CMU 20140070/HĐCTD 19/11/2014 cùng khế ước nợ số CMU2014007003, cụ thể:

+ Số tiền vay 500.000.000 đồng.

+ Thời hạn vay: 06 tháng (từ ngày 20/10/2015 đến ngày 20/4/2016).

+ Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động kinh doanh, chế biến, xuất nhập khẩu hàng thủy hải sản.

Bảo đảm khoản nợ vay nêu bằng biện pháp bảo đảm thế chấp các tài sản:

- 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (giấy chứng nhận QSDĐ) số BA 538501 vào sổ cấp giấy chứng nhận QSDĐ số CH 000027 do Ủy ban nhân dân (UBND) huyện T, tỉnh Cà Mau cấp ngày 02/3/2010 do hộ ông Nguyễn Văn K đứng tên giấy chứng nhận QSDĐ, với diện tích 5.873,7 m² đất trồng lúa, tại thửa đất số 248 – tờ bản đồ số 14, đất tọa lạc tại ấp T, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau và toàn bộ tài sản gắn liền với đất (chưa được cấp quyền sở hữu).

- 01 giấy chứng nhận QSDĐ số BA 538281 vào sổ cấp giấy chứng nhận QSDĐ số CH 000028 do UBND huyện T, tỉnh Cà Mau cấp ngày 02/3/2010 do hộ ông Nguyễn Văn K đứng tên giấy chứng nhận QSDĐ, với diện tích 4.229,5 m² đất trồng

lúa, tại thửa đất số 249 – tờ bản đồ số 14, đất tọa lạc tại ấp T, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau và toàn bộ tài sản gắn liền với đất (chưa được cấp quyền sở hữu).

Theo hợp đồng thế chấp tài sản số CMU20150107/HĐTC ngày 09/4/2015 được lập giữa bên nhận thế chấp là Ngân hàng KT với bên thế chấp là hộ ông Nguyễn Văn K.

Trong quá trình vay, Công ty KL đã vi phạm việc thực hiện nghĩa vụ theo như hợp đồng đã ký kết, nên Ngân hàng KT đã nhiều lần nhắc nhở và yêu cầu Công ty KL thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nhưng Công ty KL không thực hiện.

Tính đến ngày 18/4/2017, Công ty KL còn nợ Ngân hàng KT tổng các khoản nợ là 584.878.243 đồng, cụ thể:

+ Nợ gốc: 500.000.000 đồng;

+ Nợ lãi: 84.878.243 đồng;

Nay ông Nguyễn Quốc K yêu cầu Tòa án buộc Công ty KL trả cho Ngân hàng KT số tiền là **584.878.243** đồng, lãi tính đến ngày 18/4/2017. Đối với lãi phát sinh yêu cầu tính lãi cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng đã ký kết. Đối với các tài sản thế chấp: Yêu cầu duy trì các tài sản đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản số CMU20150107/HĐTC ngày 09/4/2015 được lập giữa bên nhận thế chấp là Ngân hàng KT với bên thế chấp là hộ ông Nguyễn Văn K để đảm bảo điều kiện thi hành án. Nếu Công ty KL không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng KT thì Ngân hàng KT được yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền phát mãi các tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

-Trong quá trình giải quyết vụ án lời trình bày có tại hồ sơ của bà Nguyễn Thị Kiều L là người đại diện cho bị đơn, là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, đồng thời đại diện theo ủy quyền của bà D và ông L, thể hiện:

Bà L thừa nhận ngày 20/10/2015, Ngân hàng KT có cấp tín dụng cho Công ty KL theo hợp đồng tín dụng số CMU 20140070/HĐCTD 19/11/2014 cùng khế ước nợ số CMU2014007003 với số tiền vay 500.000.000 đồng và có thế chấp các tài sản là giấy chứng nhận QSDĐ theo như đại diện phía Ngân hàng trình bày là đúng. Do Công ty làm ăn thua lỗ nên không có khả năng thanh toán nợ cho Ngân hàng.

Nay bà Nguyễn Thị Kiều L là đại diện cho Công ty KL đồng ý trả cho Ngân hàng KT số tiền là **500.000.000** đồng. Xin Ngân hàng xem xét giảm phần lãi.

-Lời trình bày có tại hồ sơ của ông Nguyễn Văn K là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, thể hiện:

Thừa nhận vào ngày 09/4/2015 có bảo lãnh cho Công ty KL vay tiền của Ngân hàng KT như lời trình bày của phía đại diện Ngân hàng đúng.

Khoản nợ vay của Công ty KL được đảm bảo là giấy chứng nhận QSDĐ số BA 538501 và giấy chứng nhận QSDĐ số BA do UBND huyện T, tỉnh Cà Mau cấp ngày 02/3/2010 do hộ ông Nguyễn Văn K đứng tên giấy chứng nhận QSDĐ theo hợp đồng thế chấp tài sản số CMU20150107/HĐTC ngày 09/4/2015 được lập giữa bên nhận thế chấp là Ngân hàng KT với bên thế chấp là hộ ông Nguyễn Văn K là đúng.

- Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát huyện T phát biểu:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, thư ký tiến hành đúng theo trình tự quy định của Pháp luật tố tụng dân sự và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng KT buộc Công ty KL trả cho Ngân hàng tổng số tiền là **584.878.243** đồng (trong đó, vốn gốc là 500.000.000 đồng và lãi là 84.878.243 đồng lãi tính đến ngày 18/4/2017). Tiếp tục duy trì các tài sản thế chấp để đảm bảo thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Từ những nội dung vụ án thể hiện;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền tòa án:* Bị đơn có trụ sở trên địa bàn huyện T và nguyên đơn khởi kiện bị đơn tại Tòa án, nên Tòa án nhân dân huyện T thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại **Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.**

[2] *Về quyền khởi kiện:* Nguyên đơn cho rằng quyền và lợi ích của nguyên đơn bị bị đơn xâm hại, nên khởi kiện yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp là phù hợp với quy định tại **Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.**

[3] *Xét về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Ngân hàng KT và Công ty KL hoạt động đều có đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật và hiện nay có tranh chấp về nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng tín dụng đã được ký kết, do đó xác định tranh chấp giữa các bên là tranh chấp hợp đồng vay tài sản và thế chấp tài sản phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại quy định tại **khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.**

[4] *Về thủ tục tố tụng*: Tòa án đã tiến hành triệu tập bà L, ông K hợp lệ 02 lần để xét xử, nhưng bà L và ông K đều vắng mặt không rõ lý do và không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng họ.

[5] *Về pháp luật áp dụng*: Giao dịch dân sự giữa các đương sự được thực hiện trước ngày 01/01/2017 và hiện nay có tranh chấp, do đó áp dụng quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết để giải quyết là phù hợp với Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015.

[6] *Về nội dung vụ kiện*: Hội đồng xét xử xét thấy ngày 20/10/2015, Ngân hàng KT cấp tín dụng cho Công ty KL theo hợp đồng tín dụng số CMU 20140070/HĐCTD 19/11/2014 cùng khế ước nợ số CMU2014007003 với số tiền vay 500.000.000 đồng, lãi suất **kỳ đầu tiên kể từ ngày giải ngân đến ngày 31/10/2015 là 10,26 %/năm**, lãi xuất kỳ tiếp theo đối với thời gian tiếp theo được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/một lần vào các ngày 01 và bằng lãi suất cơ sở + biên độ 3,46 %/năm nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu được Ngân hàng KT quy định theo từng thời kỳ, thời hạn vay 06 tháng (từ ngày 20/10/2015 đến ngày 20/4/2016), mục đích vay là bổ sung vốn lưu động kinh doanh, chế biến, xuất nhập khẩu hàng thủy hải sản là có thật, bởi sự việc này được đại diện của hai bên đều thống nhất thừa nhận với nhau, về nội dung và hình thức của hợp đồng được thực hiện đúng với quy định tại **Điều 471, Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005**. Để bảo đảm khoản nợ vay cho Công ty KL thì hộ gia đình ông Nguyễn Văn K (gồm có: ông K, bà D, bà L, ông L) có thể chấp các giấy chứng nhận QSDĐ số BA 538501 và giấy chứng nhận QSDĐ số BA 538281 do UBND huyện T, tỉnh Cà Mau cấp ngày 02/3/2010 do hộ ông Nguyễn Văn K đứng tên giấy chứng nhận QSDĐ, đối các phần đất có diện tích 5.873,7 m² và 4.229,5 m² loại đất trồng lúa, tại thửa đất số 248, 249 – tờ bản đồ số 14 - đất tọa lạc tại ấp T, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau theo hợp đồng thế chấp tài sản số CMU20150107/HĐTC ngày 09/4/2015 được lập giữa bên nhận thế chấp là Ngân hàng KT với bên thế chấp là hộ ông Nguyễn Văn K, Hội đồng xét xử xét thấy việc thế chấp các tài sản nêu trên đã được đăng ký thế chấp và có chứng thực của các cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại các Điều 342, Điều 343, Điều 362, Điều 363 Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 167 Luật đất đai năm 2013, Điều 3 Nghị định số 80/2010/NĐ-CP ngày 23/7/2010 của Chính phủ “về đăng ký giao dịch bảo đảm” nên có hiệu lực và được công nhận.

- Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng KT: Hội đồng xét xử xét thấy bà L là đại diện của Công ty KL thừa nhận do Công ty kinh doanh thua lỗ nên không có khả năng thanh toán nghĩa vụ cho Ngân hàng theo thỏa thuận hợp đồng đã giao kết, do đó xác định Công ty KL đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng KT theo thỏa

thuận giao kết giữa các bên, nên Ngân hàng khởi kiện thu hồi nợ là đúng. Đối với yêu cầu của Ngân hàng KT và ông K yêu cầu Công ty KL trả khoản nợ 584.878.243 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy bà L là đại diện theo pháp luật của Công ty KL thừa nhận hiện nay còn nợ Ngân hàng khoản nợ gốc và lãi theo yêu cầu của Ngân hàng và ông K, xét thấy lãi thỏa thuận giữa Công ty KL và Ngân hàng KT là đúng theo quy định của pháp luật và đây là nghĩa vụ trả nợ của Công ty KL nên cần buộc Công ty KL có trách nhiệm trả cho Ngân hàng KT tổng số tiền là 584.878.243 đồng là phù hợp với **Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005**.

+ Đối với yêu cầu về tài sản thế chấp: Hội đồng xét xử xét thấy hộ gia đình ông Nguyễn Văn K có đứng ra bảo lãnh khoản nợ vay của Công ty KL bằng việc thế chấp các tài sản là giấy chứng nhận QSDĐ số BA 538501 và giấy chứng nhận QSDĐ số BA 538281 do UBND huyện T, tỉnh Cà Mau cấp ngày 02/3/2010 do hộ ông Nguyễn Văn K đứng tên giấy chứng nhận QSDĐ, đối các phần đất có diện tích 5.873,7 m² và 4.229,5 m² loại đất trồng lúa, tại thửa đất số 248, 249 – tờ bản đồ số 14. Do Công ty KL không thanh toán nghĩa vụ với Ngân hàng KT theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng, nên cần duy trì tài sản thế chấp này để đảm bảo thi hành án, nếu như Công ty KL không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng KT và không có điều kiện thi hành án thì xử lý các tài sản thế chấp này để thu hồi nợ cho Ngân hàng là phù hợp với các **Điều 355, Điều 721 Bộ luật dân sự năm 2005**.

[7] *Về chi phí tố tụng*: Đối với số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 800.000 đồng, đại diện Ngân hàng đã nộp và đã thực hiện xong (*theo bảng kê thanh toán ngày 08/9/2017*), do toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận nên chi phí xem xét thẩm định Công ty KL chịu là phù hợp, do đó cần buộc Công ty KL có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền 800.000 đồng là đúng theo quy định tại các **Điều 149, Điều 155, Điều 157, Điều 158 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015**.

[8] *Về án phí*: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch là 20.000.000 đồng + 4% của phần giá trị tài sản vượt quá 400.000.000 đồng đối với tổng số tiền Tòa án buộc trả cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và điểm c tiểu mục 1.4 – mục 1 – phần II Danh mục án phí ban hành kèm theo Nghị quyết 326. Đối số tiền tạm ứng án phí của nguyên đơn đã dự nộp trước được hoàn lại toàn bộ.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 30, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 149, Điều 155, Điều 157, Điều 158, Điều 186, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 468, Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 342, Điều 343, Điều 355, Điều 362, Điều 363, Điều 471, Điều 474, Điều 476, Điều 721 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 167 Luật đất đai năm 2013; Điều 3 Nghị định số 80/2010/NĐ-CP ngày 23/7/2010 của Chính phủ “về đăng ký giao dịch bảo đảm”; điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và điểm c tiểu mục 1.4 – mục 1 – phần II Danh mục án phí ban hành kèm theo Nghị quyết 326.

1. Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần KT Việt Nam.

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn KL phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần KT Việt Nam tổng số tiền **584.878.243** đồng (trong đó, vốn gốc là 500.000.000 đồng và lãi là 84.878.243 đồng tính đến ngày 18/4/2017).

Kể từ ngày 19 tháng 4 năm 2017, thì Công ty trách nhiệm hữu hạn KL còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối số tiền nợ chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

2. Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn KL có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần KT Việt Nam chi phí xem xét thẩm định tại chỗ với số tiền là 800.0000 đồng.

Kể từ ngày Ngân hàng thương mại cổ phần KT Việt Nam có đơn yêu cầu thi hành án mà Công ty trách nhiệm hữu hạn KL chậm thực hiện nghĩa vụ trả số tiền nói trên, thì hàng tháng Công ty trách nhiệm hữu hạn KL còn phải chịu lãi suất theo quy định tại **khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015** đối với số tiền nói trên tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Tiếp tục duy trì tài sản thế chấp:

- 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 538501 vào sổ cấp giấy chứng nhận QSDĐ số CH 000027 do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Cà Mau cấp ngày 02/3/2010 do hộ ông Nguyễn Văn K đứng tên giấy chứng nhận QSDĐ, với diện tích 5.873,7 m² đất trồng lúa, tại thửa đất số 248 – tờ bản đồ số 14, đất tọa lạc tại ấp T, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau và toàn bộ tài sản gắn liền với đất (chưa được cấp quyền sở hữu).

- 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 538281 vào sổ cấp giấy chứng nhận QSDĐ số CH 000028 do

Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Cà Mau cấp ngày 02/3/2010 do hộ ông Nguyễn Văn K đứng tên giấy chứng nhận QSDĐ, với diện tích 4.229,5 m² đất trồng lúa, tại thửa đất số 249 – tờ bản đồ số 14, đất tọa lạc tại ấp T, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau và toàn bộ tài sản gắn liền với đất (chưa được cấp quyền sở hữu).

Theo hợp đồng thế chấp tài sản số CMU20150107/HĐTC ngày 09/4/2015 được lập giữa bên nhận thế chấp là Ngân hàng thương mại cổ phần KT Việt Nam với bên thế chấp là hộ ông Nguyễn Văn K.

Trường hợp Công ty trách nhiệm hữu hạn KL không có điều kiện thi hành án và hộ gia đình ông Nguyễn Văn K (gồm: Ông Nguyễn Văn K, bà Trần Thị Mỹ D, bà Nguyễn Thị Kiều L, ông Nguyễn Công L) không thực hiện nghĩa vụ thay, thì xử lý các tài sản thế chấp là nói trên, để đảm bảo thi hành án cho Ngân hàng thương mại cổ phần KT Việt Nam.

3. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Công ty trách nhiệm hữu hạn KL phải nộp là 27.395.129 đồng. Ngân hàng thương mại cổ phần KT Việt Nam được hoàn lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã dự nộp trước là 13.680.000 đồng theo biên lai thu số 0006961 ngày 18/5/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Cà Mau.

4. Nguyên đơn, ông K có quyền kháng án trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn, ông K, bà D, bà L, ông L có quyền kháng cáo trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Đường sự;
- Lưu HSVA;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Từ Thanh Nhung

